TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 30/2018/DS-ST
Ngày: 15-6-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phượng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Nguyễn Văn Sở
2.Bà Mai Thị Kim Hương
-Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh Long An.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 184/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp“ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42A/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị B; cư trú tại số 67 Nguyễn T, Phường 3, Thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần P, cư trú tại số A, Nguyễn Đ, Phường 1, Thành phố T, tỉnh Long An, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền ngày 17 tháng 7 năm 2017), có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Ngọc T; cư trú tại số 38, Lê Đ, Phường 3, Thành phố T, Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2017 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông Trần P trình bày: Vào ngày 24 tháng 10 năm 2016 bà B có cho bà Nguyễn Ngọc T vay số tiền 1.300.000.000đ để mua đấu giá căn nhà số 38 Lê Đ, Phường 3, Thành phố T, tỉnh Long An. Bà T có viết giấy mượn tiền và cam kết trả thành 3 đợt cụ thể ngày 25 tháng 11 năm 2016 trả 300.000.000đ; ngày 25 tháng 12 năm 2016 trả 500.000.000đ; ngày 25 tháng 01 năm 2017 trả 500.000.000đ. Vào ngày 17 tháng 01 năm 2017 bà T có đưa cho bà B bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đối với tài sản tại số 38 Lê Đ, Phường 3, Thành phố T, tỉnh Long An để làm tin. Tuy nhiên đến ngày 19 tháng 01 năm 2017 giữa bà B và bà T làm lại hợp đồng vay tiền với nội dung là bà B cho bà T vay số tiền 1.300.000.000đ, thời hạn vay 01 năm là đến ngày 18/01/2018, không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay để trả tiền mua nhà ở. Hợp đồng vay tiền có công chứng của Văn phòng công

chứng M. Từ ngày hết hạn hợp đồng đến nay bà T chưa trả số tiền nào cho bà B. Đại diện nguyên đơn ông yêu cầu bà T trả cho bà B số tiền vốn gốc là 1.300.000.000đ và tiền lãi theo qui định pháp luật từ ngày 19 tháng 01 năm 2018 đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án cho bị đơn bà Nguyễn Ngọc T biết theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị B theo qui định pháp luật, nhưng bà T không có ý kiến bằng văn bản gởi cho Tòa án về việc khởi kiện của bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Ngọc T, đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T có nơi cư trú tại Thành phố T, tỉnh Long An nên theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc T được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy báo đến tham gia phiên tòa giải quyết vụ án theo qui định pháp luật nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp qui định Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn do ông Trần P đại diện thấy rằng: Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 19 tháng 01 năm 2017 thì thể hiện bà T có vay của bà B số tiền 1.300.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 12 tháng, hợp đồng có công chứng của Văn Phòng công chứng M. Như vậy, cần xác định giữa bà B và bà T thiết lập hợp đồng vay tiền với số tiền bà T vay của bà B là 1.300.000.000đ theo qui định Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ. Tòa án có thông báo cho bà T đến tham gia phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án nhưng bà T cố tình vắng mặt. Do đó, bà B do ông P đại diện trình bày bà T còn nợ bà B và yêu cầu bà T trả cho bà B số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đ là phù hợp.

[4] Về tiền lãi: Theo hợp đồng vay tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay đến ngày 19 tháng 01 năm 2018 nhưng đến thời hạn bà T chưa trả số tiền. Do đó yêu cầu trả lãi của nguyên đơn trên số tiền vay từ ngày 19 tháng 01 năm 2018 đến nay theo lãi suất quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ. Lãi suất được tính cụ thể: Thời gian từ ngày 19 tháng 01 tháng 2018 đến ngày 15 tháng 6 năm 2018: 1.300.000.000đ x 10%/ năm x 4 tháng 26 ngày = 52.722.222đ.

[5] Cần buộc bà Nguyễn Ngọc T trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền vay gồm nợ gốc 1.300.000.000đ và nợ lãi 52.722.222đ, tổng cộng 1.352.722.222đ là phù hợp.

[6] Khi vay tiền bà T có đưa cho bà B Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 240, tờ bản đồ số 1-29a diện tích 85,4m^2 tại số 38, Lê Đ, Phường 3, Thành phố T, tỉnh Long An do Sở tài Nguyên và Môi trường cấp vào ngày 16 tháng 01 năm 2017 cho bà Nguyễn Ngọc T, để làm tin. Hiện nay, bà B đang giữ của bà T Bản chính Giấy chứng nhận này. Xét việc bà B giữ tài sản này của bà T là không có căn cứ, tại tòa đại diện nguyên đơn cũng đồng ý trả lại tài sản này cho bà T. Do đó bà B có nghĩa vụ giao

trả tài sản là bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà và tài sản gắn liền với đất trên cho bà T là phù hợp.

[7]Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí trên số tiền hoàn trả cho bà B theo quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B do ông Trần P đại diện:

Buộc bà Nguyễn Ngọc T trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền vay gồm nợ gốc và nợ lãi là 1.352.722.222đ (Một tỷ ba trăm năm mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn, hai trăm hai mươi hai đồng)

Sau khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị B mà bà Nguyễn Ngọc T chưa thi hành xong số tiền trả cho bà B thì bà T còn phải thanh toán tiền lãi theo lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

2. Bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ giao trả cho bà Nguyễn Ngọc T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 240, tờ bản đồ số 1-29a diện tích 85,4m^2 tại số 38 Lê Đ, Phường 3, Thành phố T, tỉnh Long An do Sở tài Nguyên và Môi trường cấp vào ngày 16 tháng 01 năm 2017 cho bà Nguyễn Ngọc T.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc T phải nộp 52.581.666đ (Năm mươi hai triệu, năm trăm tám mươi mốt ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) án phí sung công quỹ Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị B không phải nộp án phí. Hoàn tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị B số tiền 27.030.000đ (Hai mươi bảy triệu không trăm ba chục ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009340 ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T .

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo qui định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND TP T;
- CC.THADS TP T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Phượng

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh
- VKDND TP
- Các đương sự
- THA, AV, Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Thị Phượng